TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:149/2018/HNGĐ- ST.
Ngày 31/10/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vy Đình Long.
Các Hội thẩm nhân dân**:** 1. Bà Trương Thị Giang
2. Bà Hoàng Thị Đào

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Đông - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Hào – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số:123/2018- TLST/HN&GĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐST-DS ngày 17/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lô Văn Th, sinh năm: 1977.
Trú tại: Xóm T, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1976.
Trú tại: Xóm T, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1- **Ông Lô Văn S,** sinh năm 1956 (Có mặt)
2- **Bà Ngân Thị D**, sinh năm 1956(Có mặt)

Đều trú tại: Xóm T, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và các biên bản ghi lời khai thì nguyên đơn anh Lô Văn Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B tổ chức cưới vào năm 2001 nhưng không

có giấy đăng ký theo quy định của pháp luật, sau khi cưới anh, chị về sống chung hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp và chị Nguyễn Thị B là người vợ nhưng có tính tình nóng nảy, cậy thế người to có sức khoẻ hơn anh cho nên chị B thường xuyên hành hạ, đánh đập anh thậm tệ, đặc biệt kể từ năm 2015 đến nay mâu thuẫn liên tục xảy ra tuy còn sống chung trong một nhà nhưng không quan tâm đến nhau và từ đầu năm 2017 đến nay anh và chị B đã sống ly thân. anh xác định không thể trở lại đoàn tụ được nữa cho nên mới viết đơn xin được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị B có 02 người con chung gồm: Lô Thị Ch, sinh ngày 24/7/2002 và Lô Thị Đoan Tr, sinh ngày 11/10/2008, nếu ly hôn theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì tuỳ các con, nếu con ở với anh thì anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Trước phiên toà hôm nay nếu các con ở với chị B thì anh Th chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi người 200.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lô Văn Th có đơn yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung nhưng sau khi hoà giải thì anh Th có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản, anh Th không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung nữa.

Chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Lô Văn Th tổ chức cưới vào năm 2001, trước khi cưới chị có yêu cầu anh Th cùng lên UBND xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng anh Th không đi cho nên, không có giấy đăng ký kết hôn, sau khi cưới xong về sống chung được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nhau và chị cho rằng anh Th thường xuyên đi uống rượu say về nhà gây sự để hành hạ, đánh đập chị, nhiều lúc bị đánh thâm tím cả người, hiện nay tuy còn sống chung trong một mái nhà nhưng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa cho nên chị cũng thoả thuận xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Lô Văn Th có 02 người con chung đúng như anh Th trình bày, nếu ly hôn chị cũng chiều theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai cũng được, tuy nhiên nếu các con ở với chị thì chị yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi đứa một tháng 300.000đ, trước phiên toà hôm nay chị B yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi người khoảng 800.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Lúc đầu chị có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và số nợ chung nhưng sau khi hoà giải thì chị Nguyễn Thị B có đơn xin rút phần yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, chị B không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nữa.

Chị Nguyễn Thị B yêu cầu buộc ông Lô Văn S và bà Ngân Thị D chịu trách nhiệm trả công sức đóng góp cho chị trong thời gian chị về làm dâu trong nhà là 700.000.000đ

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Lô Văn S và bà Ngân Thị D qua lời khai và hoà giải, ông S và bà D có yêu cầu được phân chia tài sản chung trong gia đình nhưng sau đó cả hai ông, bà lại có đơn xin rút lại việc yêu cầu phân chia tài sản chung và không nhất trí trả công sức cho chị Nguyễn Thị B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình Kiểm sát vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay việc tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử sơ thẩm hôm nay đều đúng theo các trình tự, tủ tục và quy định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ, hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng, chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu kịp thời, chấp hành đúng với quy định của BLTTDS, các đương sự chấp hành đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật TTDS. Điều 14; 15; 53; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lô Văn Th và chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Giao cho chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 người con và yêu cầu buộc anh Lô Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B khoảng từ 300.000đ đến 500.000đ/người con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Các vấn đề khác các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đơn khởi kiện của anh Lô Văn Th yêu cầu Toà án giải quyết việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 28; 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lô Văn Th và chị Nguyễn Thị B tổ chức lễ cưới vào năm 2001 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là

vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn.Tại khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này..."* Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn có trầm trọng hay không trầm trọng, còn khả năng hàn gắn được hay không, mà cần tuyên bố về quan hệ hôn nhân giữa anh Lô Văn Th và chị Nguyễn Thị B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3]Về con chung: Anh Lô Văn Th và chị Nguyễn Thị B có 02 người con chung gồm: Lô Thị Ch, sinh ngày 24/7/2002 và Lô Thị Đoan Tr, sinh ngày 11/10/2008, sau khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ để thuận tiện trong việc học tập của các cháu và trên thực tế kể từ khi anh Th và chị B sống ly thân thì các cháu do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện tại cả 02 người con đã theo chị B về bên ông bà ngoại sinh sống vì vậy nghĩ cần giao cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con và buộc anh Lô Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng khoảng từ 500.000đ đến 700.000đ/người con là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của anh Th (Cả 02 người con khoảng 1.000.000đ đến 1.400.000đ) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lô Văn Th và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]Về yêu cầu trả công sức: Chị Nguyễn Thị B yêu cầu buộc ông Lô Văn S và bà Ngân Thị D trả công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung cho chị 700.000.000đ, ngày 21 tháng 9 năm 2018 Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp có thông báo số: 1238 đề nghị chị Nguyễn Thị B phải có đơn yêu cầu giải quyết về trả công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung cho chị nhưng chị Nguyễn Thị B không có đơn yêu cầu giải quyết, ngày 25 tháng 10 năm 2018 chị Nguyễn Thị B có đơn xin rút yêu cầu trả công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Lô Văn Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên
QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật TTDS. Điều 14; 15; 53; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lô Văn Th và chị Nguyễn Thị B.

-Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung gồm: Lô Thị Ch, sinh ngày 24/7/2002 và Lô Thị Đoan Tr, sinh ngày 11/10/2008. Buộc anh Lô Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị B mỗi tháng một người 600.000đ (Cả 02 người 1.200.000đ/tháng) kể từ tháng 11/2018 trở đi cho đến khi các con đủ 18 tuổi. trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Lô Văn Th chịu án phí DSST 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ, số tiền này được khấu trừ do anh Th đã nộp tạm ứng án phí DSST tại chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp theo biên lai thu số 0007152, ngày 29 tháng 8 năm 2018 số tiền 1.900.000đ. Trả lại cho anh Th số tiền tạm ứng án phí còn thừa 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng)

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp
- Chi cục THADS huyện Quỳ Hợp
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ kiện

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Vy Đình Long